

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2019/HNST

Ngày: 28/8/2019

Về việc "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Thuở

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp An Thới, xã P, huyện M, tỉnh B (có mặt).

*2. Bị đơn:* Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 117A9, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Bến Tre vào ngày 03 tháng 7 năm 2013. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T bị bệnh không thực hiện tốt chức năng làm vợ và anh có người phụ nữ khác nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị T nên anh xin ly hôn.

Về con chung, anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/01/2014, anh đồng ý để chị T nuôi con, anh cấp dưỡng con mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung, anh và chị T không có.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào năm 2013. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng 06 tháng sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn do chị bị bệnh tai biến nên anh M có vợ bé, vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị không còn tình cảm với anh M do chị bị bệnh không thực hiện chức năng là vợ nên chị đồng ý ly hôn. Về con chung, chị xin nuôi con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/01/2014, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho chị. Về tài sản chung và nợ chung không có. Do chị bị bệnh đi lại khó khăn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn M; giao con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/01/2014 cho chị Trần Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; ghi nhận việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho chị; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

-Anh Nguyễn Văn M yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Ngọc T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Chị Trần Thị Ngọc T có nơi cư trú tại 117A9, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Quá trình giải quyết vụ án, chị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Tân, thành phố Bến Tre nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật B vệ. Anh M chị T đều thống nhất sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng của anh chị có hạnh phúc được M thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do chị T bị bệnh không thực hiện được chức năng làm vợ, anh M có người phụ nữ khác, anh chị

cũng đã ly thân hơn 01 năm. Anh M yêu cầu ly hôn chị T cũng đồng ý nên công nhận sự Tận tình ly hôn của anh M và chị T.

-Về con chung: Anh M và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/01/2014, hiện cháu đang sống với chị T. Anh M chị T thống nhất chị T tiếp tục nuôi cháu B, anh M cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nhận thấy, sự thỏa Tận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Bản thân chị T đang bị bệnh nhưng chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho chị nên ghi nhận.

-Về tài sản chung, nợ chung: Anh M chị T đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí : Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DSST, tổng cộng là 600.000 đồng.

[5] Về các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Công nhận sự Tận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị Ngọc T.

2.Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc T được quyền nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14/01/2014. Anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ghi nhận việc chị Trần Thị Ngọc T không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng cho chị.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn M chị Trần Thị Ngọc T đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

4.Về án phí : Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí HNST và 300.000 đ (Ba trăm nghìn) án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai T số 0005065 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Anh Nguyễn Văn M còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THA DS Tp. Bến Tre;
- UBND phường Phú Tân, Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

***Nguyễn Thanh Thuở***